TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 29 – 05 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Đoàn Thị Lụa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 17/5/2019 đối với bị cáo:

Vũ Tuấn A (Tên gọi khác: X); Sinh năm: 1993; Tại: tỉnh ĐN; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 4, phường NĐ, thị xã GN, tỉnh ĐN; chỗ ở: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn C (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1965); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Trần Thị C, sinh năm 1980; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN;

Người có quyền lợi liên quan:

Ông Vũ Văn C, sinh năm: 1966; và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã QTân, huyện TĐức, tỉnh ĐN.

Anh Đặng Văn T, sinh năm 1969; Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn KĐ, huyện ĐR'L, tỉnh ĐN;

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Thế C, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN;

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN;

3. Anh Nguyễn T, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn KĐ, huyện ĐR'L, tỉnh ĐN;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17/11/2018, Vũ Tuấn A nhờ Trần Văn B chở đến quán cà phê của gia đình chị Trần Thị C thuộc thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN để uống nước. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, chị C đi vào rẫy hái cà phê, cháu Châu Phúc N (con trai chị C) trông coi quán. Sau khi uống nước tại quán, Vũ Tuấn A đi vào trong nhà để đi vệ sinh thì cháu N không biết nên khóa cửa nhà để sang nhà hàng xóm ăn cơm. Khi Vũ Tuấn A đi ra thấy cửa đã bị khóa, không có ai trong nhà liền nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. Vũ Tuấn A đi vào phòng ngủ thứ nhất tìm tài sản nhưng không có, tiếp tục sang phòng ngủ thứ hai phát hiện ngăn tủ quần áo bằng gỗ bên phải có một hộp giấy cứng màu đỏ chứa một chiếc nhẫn và một sợi dây chuyền có mặt đá tì hưu màu xanh, bên trái có một ví da màu đỏ chứa một nhẫn nam và một sợi dây chuyền, Vũ Tuấn A lấy tất cả số tài sản trên bỏ vào túi quần và tìm cách ra khỏi nhà nhưng không được nên vào phòng vệ sinh để trốn.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, cháu N đi ăn cơm về, đồng thời Trần Văn B cũng đến quán để tìm Vũ Tuấn A thì khi cháu N mở cửa nhà ra phát hiện Vũ Tuấn A đi từ trong nhà vệ sinh ra. Sau đó Trần Văn B nhờ Phạm Thế C chở Vũ Tuấn A đi ra ngã ba thị trấn KĐ, huyện ĐR'L, tỉnh ĐN. Vũ Tuấn A tiếp tục bắt taxi của anh Nguyễn T để đi về hướng tỉnh BP. Trên đường đi, Vũ Tuấn A nói anh T ghé vào tiệm vàng của gia đình anh Đặng Văn T ở thị trấn KĐ để bán. Vũ Tuấn A bán một nhẫn nam với giá 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 sợi dây chuyền giá 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Còn một nhẫn và một dây chuyền có mặt đá tì hưu màu xanh, anh Thủy kiểm tra không có vàng nên không mua. Sau khi bán được vàng, Vũ Tuấn A đón xe về lại thị trấn KĐ và trên đường đi Vũ Tuấn A vứt chiếc nhẫn và sợi dây chuyền có mặt đá tì hưu vào bụi cây ven đường. Số tiền bán vàng Vũ Tuấn A dùng vào việc tiêu xài cá nhân hết và sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến ngày 18/11/2018, chị Trần Thị C phát hiện bị mất số tài sản trên nên đã trình báo đến cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện TĐ. Sau khi cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Vũ Tuấn A thì ngày 20/3/2019, Vũ Tuấn A đến đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TĐ kết luận như sau: một chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông, hàm lượng vàng 96,6%, trọng lượng 0,1960 lượng lượng có giá trị 6.518.568 đồng; 01 chiếc dây chuyền vàng, có hàm lượng vàng 61%, trọng lượng 0,033 lượng có giá trị là 665.874 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 7.184.442 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Đối với một nhẫn và một dây chuyền có mặt đá tì hưu màu xanh, chị C mua trên mạng, không có hóa đơn, chứng từ và bị cáo đã vứt bỏ bên đường không thu hồi được nên Hồi đồng định giá kết luận không đủ căn cứ để định giá.

Vật chứng của vụ án: quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ đã thu giữ và trả lại: một chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông có hình con rồng và 01 dây chuyền vàng cho chị Trần Thị C là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

Vũ Tuấn A và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi liên quan anh Đặng Văn T số tiền 7.000.000 (bảy triệu đồng), nên anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng truy tố số 17/CT-VKS ngày 08/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Vũ Tuấn A về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông truy tố là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: bị cáo Vũ Tuấn A đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trần Thị C nên đã lén lút trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông và 01 chiếc dây chuyền vàng tổng giá trị là 7.184.442 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Tuấn A về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị trộm có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, người có quyền lợi liên quan; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội và bị truy nã bị cáo đã tự giác đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức để đầu thú, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017),* xử phạt bị cáo Vũ Tuấn A: 09 đến 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/3/2019.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017);* khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại: một chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông có hình con rồng và 01 dây chuyền vàng cho chị Trần Thị Cẩm là chủ sở hữu hợp pháp.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị C, người có quyền lợi liên quan anh Đặng Văn T không yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho người có quyền lợi liên quan nên không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi của anh Nguyễn T là người chở Vũ Tuấn A đi bán vàng và anh Đặng Văn T là người đã mua vàng của Vũ Tuấn A nhưng không biết số vàng đó do Vũ Tuấn A trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Phần tranh luận bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo cũng như pháp luật buộc bị cáo phải biết tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Song do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 17/11/2018, tại Thôn 01, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN, Vũ Tuấn A đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trần Thị C nên

đã lén lút trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông và 01 chiếc dây chuyền vàng tổng giá trị là 7.184.442 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vũ Tuấn A phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể:

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...".

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của chị Trần Thị C. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo việc giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do bột phát, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị trộm có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, người có quyền lợi liên quan; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi phạm tội và biết mình bị truy nã, bị cáo đã tự giác đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức để đầu thú. Đây là các tình tiết quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Việc cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại: một chiếc nhẫn vàng, mặt hình vuông có hình con rồng và 01 dây chuyền vàng cho chị Trần Thị C là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên không đề cập giải quyết.

Đối với chiếc nhẫn và dây chuyền có mặt đá tì hưu màu xanh CQCSĐT công an huyện Tuy Đức đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không đề cập xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị C, đã nhận lại số vàng bị mất, người có quyền lợi liên quan anh Đặng Văn T đã nhận lại số tiền mua vàng không yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu gì đối với số tiền đã bồi thường cho người có quyền lợi liên quan thay bị cáo nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Tuấn A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn A (X) phạm tội *"Trộm cắp tài sản*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Vũ Tuấn A: 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian thi hành án tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/3/2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Buộc bị cáo Vũ Tuấn A (X) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện. Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
-Người có QLNV liên quan
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Chương